

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/DS-PT

Ngày: 01/02/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Anh

Bà Mai Vương Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2023/TLPT-DS ngày 07/11/2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự số 113/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 225/2023/QĐPT-DS ngày 05/10/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 287/2023/QĐ-TA ngày 29/12/2023; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử phiên tòa dân sự phúc thẩm số 11/TB-TA ngày 05/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐ-TA ngày 12/01/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Số 135 đường Nguyễn H, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Võ Thị H1**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Số 135 đường Phan C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Đinh Xuân L**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Số 40 đường Bình H, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, (theo giấy ủy quyền ngày 24/8/2023). Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà **Võ Thị H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, bà Nguyễn Thị H có cho bà Võ Thị H1 vay tiền làm nhiều lần, có thỏa thuận lãi. Để làm tin, ngày 16/4/2021 bà H1 đã viết giấy vay tiền chốt lại số tiền vay tính đến ngày 16/4/2021 cả gốc và lãi là 12.300.000.000đồng. Trong giấy vay tiền bà H1 có ghi tên chồng là ông Nguyễn Thanh Tuấn cùng đứng tên vay, tuy nhiên ông Tuấn không có mặt trong các lần vay tiền, bà H cũng không đưa tiền cho ông Tuấn mà chỉ đưa tiền cho bà H1. Do vậy, bà H thay đổi yêu cầu chỉ khởi kiện bà H1, rút lại không khởi kiện ông Tuấn. Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà H1 phải trả cho bà số tiền 15.252.000.000đồng (mười lăm tỷ, hai trăm năm mươi hai triệu đồng), trong đó tiền gốc là 12.300.000.000đồng, tiền lãi là 2.952.000.000đồng tạm tính từ ngày 17/4/2021 đến ngày 17/3/2023.

Tại phiên tòa bà H xin rút yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bà H1 trả số nợ gốc là 12.300.000.000đồng.

** Tại bản trình bày của bà Võ Thị H1 ngày 31/7/2023 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà H1 trình bày:*

Bị đơn thống nhất trình bày của bà Nguyễn Thị H1 về khoản nợ 12.300.000.000đồng. Tuy nhiên trong số tiền 12.300.000.000đồng này thì tiền gốc là 7.500.000.000đồng còn lại là tiền lãi, bà H1 đã trả cho bà H 3.500.000.000đồng tiền lãi tương ứng theo mức lãi suất 6%/tháng. Số tiền 7.500.000.000đồng có phần tiền của ông Ngô Tiểu là người đã góp tiền để bà H cho bà H1 vay được thể hiện tại biên bản làm việc ngày 18/11/2022 giữa bà H1, bà H và ông Ngô Tiểu nên đề nghị đưa ông Ngô Tiểu vào tham gia tố tụng trong vụ án. Đối với chứng cứ về việc bà H cho vay lãi cao và biên bản làm việc ngày 18/12/2022 bà H1 chưa tìm thấy bản gốc nên xin được cung cấp cho Tòa sau.

Tại giấy vay tiền ngày 16/4/2021, bà H1 có viết tên chồng là Nguyễn Thanh Tuấn cùng đứng tên vay mục đích để cho bà H tin tưởng, số tiền vay và việc giao nhận tiền ông Tuấn hoàn toàn không biết. Tuy nhiên, hiện nay bà H1 đang khó khăn về kinh tế nên xin được trả tiền gốc là 7.500.000.000đồng trong tổng số 12.300.000.000đồng, số tiền lãi xin không trả.

** Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự số 113/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:*

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144; Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Võ Thị H1 về yêu cầu trả tiền lãi 2.952.000.000đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Võ Thị H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Võ Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 12.300.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Võ Thị H1 phải chịu 120.300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 61.626.000đồng tại Biên lai thu số 7322 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2023 bà Võ Thị H1 kháng cáo đề nghị sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm theo hướng xác định lại khoản tiền gốc mà bà Hạnh đã vay mượn của bà Nguyễn Thị H là 7.500.000.000đồng và tính lại khoản tiền lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà H1 đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà H1.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị H1. Giữ nguyên Bản án dân sự số 113/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Do có quan hệ quen biết, bà Nguyễn Thị H cho bà Võ Thị H1 vay tiền làm nhiều lần, có thỏa thuận lãi. Đến ngày 16/4/2021, bà H1 viết giấy xác nhận bà có

vay của bà H với số tiền 12.300.000.000đồng gồm cả tiền gốc và lãi nhưng không tách bạch số tiền gốc và lãi, thời hạn vay 01 tháng (kể từ ngày 16/4/2021 đến ngày 16/5/2021). Đến hạn trả nợ theo cam kết bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà Huy yêu cầu bà H1 phải trả số tiền 12.300.000.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các Điều 280, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự, buộc bà H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 12.300.000.000đồng là có căn cứ.

Bà H1 cũng như đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng trong số tiền 12.300.000.000đồng thì khoản tiền gốc mà bà H1 vay mượn của bà Huy là 7.500.000.000đồng, còn lại là khoản tiền lãi; đối với lãi suất thì bà H cho vay 6%/tháng là quá cao so với lãi suất quy định của Bộ luật dân sự nhưng không cung cấp được chứng cứ. Bà H không thừa nhận mức lãi suất như bà H1 và đại diện theo ủy quyền khai nhận và cũng không cung cấp được chứng cứ về mức lãi suất mà bà H1 phải trả khi vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì thêm nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét kháng cáo của bà H1.

[2] Đối với yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của bà Hạnh đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đưa ông Ngô Tiểu vào tham gia tố tụng trong vụ án do tại biên bản làm việc ngày 18/11/2022 thì bên cho vay có ông Ngô Tiểu và bà Nguyễn Thị H cho bà H1 vay số tiền 12.300.000đồng. Tuy nhiên tại giấy vay tiền ngày 16/4/2021, bà H là bên cho vay trực tiếp cho bà H1 vay, không có ông Ngô Tiểu; đồng thời tại bản trình ý kiến của ông Ngô Tiểu ngày 05/11/2023 (bút lục 76) thì ông Tiểu xác định trong số tiền 12.300.000 đồng mà bà H cho bà H1 vay nguyên trước đây có tiền góp của ông nhưng bà H1 không trả nợ nên bà H đã trả toàn bộ số tiền cho ông và ông cam kết không liên quan gì đến số tiền bà H1. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Ngô Tiểu vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở. Nếu sau này bà H1 có đủ chứng cứ và các bên có tranh chấp với ông Ngô Tiểu thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu bà H1 trả tiền lãi 2.952.000.000đồng, bà H đã rút yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử và không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không xem xét.

[4]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị H1. Giữ nguyên bản án dân sự số 113/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: 120.300.000đồng, bà Võ Thị H1 phải chịu.

- Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 61.626.000đồng đã nộp tại Biên lai thu số 7322 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000đồng, bà Võ Thị H1 phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đồng tại

biên lai thu số 0001301 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308; các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị H;

Giữ nguyên Bản án dân sự số 113/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Võ Thị H1 về yêu cầu trả tiền lãi là 2.952.000.000đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu đồng).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Võ Thị H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2.1. Buộc bà Võ Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 12.300.000.000đồng (Mười hai tỷ, ba trăm triệu đồng).

2.2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: 120.300.000đồng (Một trăm hai mươi triệu, ba trăm nghìn đồng), bà Võ Thị H1 phải chịu.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 61.626.000 đồng (Sáu mươi một triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng) tại Biên lai thu số 7322 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Võ Thị H1 phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0001301 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tổ nghiệp vụ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hoài Sơn

